

BẢN TIN

HÀNG RÀO KỸ THUẬT TRONG THƯƠNG MẠI

Số 02 tháng 4/2026

www.tbt.gov.vn



Khi nhãn “xanh” trên sản phẩm nhựa không còn đủ để tạo niềm tin



Điểm TBT Quốc gia
Số 8 Hoàng Quốc Việt, P. Nghĩa Đô, Tp. Hà Nội
Điện thoại: 02437911630
Email: tbvn@mst.gov.vn, htqt@tcvn.gov.vn
Website: tbt.gov.vn

MỤC LỤC

Vấn đề hôm nay

3

Khi nhãn “xanh” trên sản phẩm nhựa không còn đủ để tạo niềm tin



Quan ngại thương mại

13

Quan ngại thương mại đối với việc chậm trễ cấp chứng nhận BIS đối với thép và sản phẩm thép của Ấn Độ



Hàng rào kỹ thuật trong thương mại

6

Danh mục thông báo TBT đã tiếp nhận từ 11/4/2026 - 20/4/2026

8

Tin cảnh báo TBT số 02 tháng 4/2026

11

Danh mục Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật và văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến TBT mới ban hành



Tranh chấp thương mại về TBT của WTO

17

Vụ kiện giữa Liên minh châu Âu và một số quốc gia thành viên — Một số biện pháp liên quan đến dầu cọ và nhiên liệu sinh học từ cây cọ dầu (Phần 2)



Khi nhãn “xanh” trên sản phẩm nhựa không còn đủ để tạo niềm tin

Trong bối cảnh phát triển bền vững trở thành một yêu cầu quan trọng của thị trường toàn cầu, nhãn môi trường trên sản phẩm đang được kỳ vọng sẽ giúp người tiêu dùng đưa ra lựa chọn phù hợp hơn và thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi sang mô hình sản xuất có trách nhiệm hơn. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy một chiếc nhãn “xanh” không phải lúc nào cũng đảm bảo thông tin rõ ràng, đáng tin cậy và có thể kiểm chứng. Một nghiên cứu mới của Hội nghị Liên Hợp Quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD) về nhãn đối với nhựa và các vật liệu thay thế cho thấy hiệu quả của nhãn không chỉ nằm ở hình thức truyền đạt, mà còn phụ thuộc rất lớn vào tính chuẩn hóa, khả năng hiểu đúng của người tiêu dùng và mức độ xác thực của các tuyên bố môi trường.

Theo UNCTAD, nhãn hàng hóa có vai trò quan trọng trong việc bảo đảm quyền được cung cấp thông tin của người tiêu dùng, tăng cường minh bạch thị trường và thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh. Trong thương mại quốc tế, các thực hành ghi nhãn hài hòa còn góp phần giảm chi phí tuân thủ, hỗ trợ truy xuất và tạo thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu. Báo cáo cũng cho biết trong giai đoạn 2009–2021, các thông báo liên quan đến kinh tế tuần hoàn trong khuôn khổ Hiệp định TBT của WTO đã tăng nhanh, trong đó có các nội dung về nhãn sinh thái và các hệ thống thông tin sản phẩm. Điều này cho thấy chính sách về nhãn ngày càng gắn chặt với thảo luận thương mại quốc tế.

Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là càng có nhiều nhãn, người tiêu dùng càng dễ bị rối nếu thông tin không rõ ràng hoặc thiếu căn cứ. Báo cáo của UNCTAD cảnh báo rằng sự gia tăng của các nhãn sinh thái và tuyên bố môi trường có thể khiến người mua khó đánh giá đâu là thông tin thực chất, đâu chỉ là cách tiếp thị mang tính gợi cảm giác. Trong nhiều trường hợp, các thuật ngữ như “thân thiện môi trường”, “bền vững” hay “tự nhiên” được sử dụng mà không đi kèm bằng chứng cụ thể hoặc cơ chế xác minh độc lập. Khi đó, nhãn không còn là công cụ hỗ trợ quyết định mua sắm có trách nhiệm, mà có thể trở thành một phần của hiện tượng “greenwashing” (tuyên bố xanh gây hiểu lầm)– tức là tạo ấn tượng về tính xanh của sản phẩm mà không có thay đổi thực chất về tác động môi trường.

UNCTAD cho rằng hiện tượng này đặc biệt đáng lo ngại trong lĩnh vực nhựa - vật liệu được sử dụng rộng rãi nhất, đặc biệt trong bao bì, nhựa đang chịu áp lực ngày càng lớn từ người tiêu dùng và thị trường về việc giảm thiểu tác động môi trường. Chính trong bối cảnh đó, một số doanh nghiệp có xu hướng sử dụng các nhãn tái chế gây hiểu lầm hoặc các tuyên bố sai lệch về khả năng phân hủy sinh học. Báo cáo dẫn ví dụ về một số dấu hiệu ghi nhãn



có thể khiến người tiêu dùng hiểu rằng sản phẩm có thể được tái chế hoặc phân hủy theo cách an toàn, trong khi trên thực tế điều đó không hẳn đúng hoặc phụ thuộc rất lớn vào điều kiện hạ tầng xử lý sau sử dụng.

Một chi tiết rất đáng chú ý là ngay cả những biểu tượng quen thuộc như hình mũi tên xoay vòng cũng đang bị xem xét lại tại một số quốc gia, do có thể tạo cảm giác rằng sản phẩm là “có thể tái chế” trong khi thực tế không đáp ứng được điều kiện tái chế thực sự. Điều này phản ánh một vấn đề quan trọng đối với thương mại hiện đại: thị trường không chỉ cần nhiều thông tin hơn, mà cần thông tin đúng, thông tin có thể hiểu và thông tin có thể kiểm chứng. Nếu nhãn không đáp ứng được ba yêu cầu này, nó có thể làm giảm niềm tin của người tiêu dùng, gia tăng rủi ro tranh chấp và tạo ra méo mó cạnh tranh giữa các doanh nghiệp.

Từ góc độ chính sách, UNCTAD đề xuất một số nguyên tắc đáng chú ý để xây dựng hệ thống nhãn hiệu quả hơn. Trước hết, nhãn cần được thiết kế theo hướng lấy người tiêu dùng làm trung tâm: ngắn gọn, dễ hiểu, dùng biểu tượng rõ ràng, ngôn ngữ phù hợp và cung cấp các thông tin cốt lõi như khả năng tái chế, phân hủy sinh học, ủ phân hay tác động môi trường của sản phẩm. Báo cáo cũng nhấn mạnh rằng những biểu tượng hoặc tuyên bố dễ gây hiểu nhầm chỉ nên được sử dụng khi có đầy đủ cơ sở khoa học và cơ chế xác minh phù hợp.

Bên cạnh đó, UNCTAD cho rằng một hệ thống nhãn muốn vận hành hiệu quả thì không thể thiếu sự phối hợp giữa nhiều bên, từ cơ quan quản lý, hiệp hội doanh nghiệp, nhà sản xuất, tổ chức người tiêu dùng đến các trường đại học và viện nghiên cứu. Việc xây dựng cơ chế tham vấn đa bên không chỉ giúp nâng cao tính khả thi và độ tin cậy của chính sách, mà còn giúp bảo đảm rằng nhãn phản ánh đúng nhu cầu của thị trường và điều kiện thực tiễn tại từng quốc gia. Song song với đó, nâng cao nhận thức và kỹ năng của người tiêu dùng cũng được xem là khâu then chốt, bởi ngay cả nhãn tốt cũng khó phát huy hiệu quả nếu người mua không hiểu cách đọc và cách sử dụng thông tin trên nhãn.

Một khuyến nghị khác mang tính thực tiễn là nên áp dụng theo lộ trình. Theo UNCTAD, các quốc gia có thể bắt đầu với những thông tin cơ bản, sau đó từng bước mở rộng khi hạ tầng dữ liệu, tái chế và đánh giá sự phù hợp đã sẵn sàng hơn. Cách tiếp cận này đặc biệt phù hợp với các nước đang phát triển, nơi năng lực thực thi, điều kiện công nghệ và mức độ hiểu biết của người tiêu dùng còn không đồng đều. Điều đó cũng cho thấy nhãn môi trường không nên được xem như một biện pháp đơn lẻ, mà phải gắn với cả hệ sinh thái gồm tiêu chuẩn, hạ tầng tái chế, cơ chế xác minh và truyền thông công chúng.

Đối với Việt Nam, xu hướng này gợi mở một vấn đề rất đáng quan tâm. Khi các yêu cầu về minh bạch môi trường, truy xuất và tính xác thực của tuyên bố xanh ngày càng được siết chặt trên thị trường quốc tế, doanh nghiệp không chỉ cần cải thiện sản phẩm mà còn



phải chú ý nhiều hơn đến cách truyền đạt thông tin ra thị trường. Về phía cơ quan quản lý, cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định về nhãn và hoạt động đánh giá sự phù hợp, nhằm đảm bảo thông tin cung cấp cho người tiêu dùng vừa chính xác, dễ hiểu, đồng thời hạn chế nguy cơ gây nhầm lẫn và rào cản không cần thiết đối với thương mại.

Nguồn: UNCTAD, A review of parameters and requirements for an effective consumer label on plastics and plastics alternatives



DANH MỤC CÁC THÔNG BÁO NHẬN ĐƯỢC

TỪ 11/4/2026 – 20/4/2026

Nước thông báo	Số lượng TB	Vấn đề thông báo
Vương quốc Bahrain	1	Cá và sản phẩm từ cá
Brazil	1	Công nghệ thực phẩm
Burundi	7	Các loại sơn tường, Các loại nhiên liệu dạng lỏng
Canada	3	Trái cây tươi, Nông nghiệp hữu cơ, Viễn thông
Trung Quốc	6	Kem đánh răng, Phương tiện cơ giới, Mỹ phẩm, Thiết bị hàng hải
Đài Loan	1	Kết cấu xây dựng
Ai Cập	2	Thuốc lá, Tiêu chuẩn khí thải
Liên minh Châu Âu	2	Nhiên liệu sinh học, Nhựa và sản phẩm từ nhựa
Ấn Độ	1	Viễn thông
Nhật Bản	2	Chứng nhận hợp quy thiết bị vô tuyến, Thiết bị đầu cuối
Kenya	7	Các loại sơn tường, Các loại nhiên liệu dạng lỏng
Nhà nước Kuwait	1	Cá và sản phẩm từ cá
Macao, Trung Quốc	3	Hoạt chất sinh học và thuốc, Xăng dầu, Tăm bông
Malawi	15	Rau củ tươi và rau củ đông lạnh các loại
Mexico	1	Mô tạt
Oman	1	Cá và sản phẩm từ cá
Qatar	1	Cá và sản phẩm từ cá
Rwanda	7	Các loại sơn tường, Các loại nhiên liệu dạng lỏng
Ả Rập Xê Út, Vương quốc	1	Cá và sản phẩm từ cá
Tanzania	7	Các loại sơn tường, Các loại nhiên liệu dạng lỏng
Uganda	10	Các loại sơn tường, Các loại nhiên liệu dạng lỏng
Ukraine	2	Hóa chất, Thuốc



Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất	1	Cá và sản phẩm từ cá
Hoa Kỳ	10	Phương tiện cơ giới, Các chất gây ô nhiễm không khí, An toàn sản phẩm tiêu dùng, Hóa chất, Viễn thông, Rau củ tươi và đông lạnh, Thiết bị y tế
Việt Nam	1	Đường sắt đô thị
Yemen	1	Cá và sản phẩm từ cá



TIN CẢNH BÁO 11/4/2026 – 20/4/2026

Dự thảo sửa đổi quy định của Liên minh châu Âu về nhựa tái chế tiếp xúc với thực phẩm



Ngày 16/4/2026, Liên minh châu Âu (EU) thông báo cho các nước Thành viên WTO về việc đưa ra Dự thảo sửa đổi Quy định (EU) 2022/1616 liên quan đến quản lý nhựa tái chế sử dụng trong vật liệu và sản phẩm tiếp xúc với thực phẩm.

Dự thảo sửa đổi nhằm giải quyết các thách thức hiện tại trong việc tăng cường kiểm soát và tài liệu liên quan đến nhựa tái chế, bao gồm cả sản phẩm nhập khẩu vào EU. Cụ thể, dự thảo đưa ra cơ sở pháp lý cho việc xây dựng mã TARIC đối với các sản phẩm liên quan, đồng thời cải thiện hệ thống quản lý thông qua việc áp dụng nền tảng số tương tác để hỗ trợ đăng ký của doanh nghiệp và quản lý các cơ sở tái chế bởi cơ quan có thẩm quyền của các quốc gia thành viên.

Ngoài ra, dự thảo cũng sửa đổi các quy định về hồ sơ tuân thủ, phương pháp thử nghiệm và các tài liệu cần xuất trình khi hàng hóa được phép lưu thông tự do trên thị trường EU, qua đó tăng cường tính minh bạch và hiệu quả trong quản lý chuỗi cung ứng nhựa tái chế.

Tài liệu này áp dụng đối với nhựa và các sản phẩm từ nhựa (HS 39), đặc biệt là các vật liệu và sản phẩm tiếp xúc với thực phẩm.

Mục tiêu của dự thảo là bảo đảm an toàn thực phẩm, bảo vệ sức khỏe con người và bảo vệ môi trường.

Thời gian dự kiến thông qua là ngày 30/9/2026 và dự kiến có hiệu lực sau 21 ngày kể từ ngày được công bố trên Công báo chính thức của EU.

Các nước Thành viên WTO có thời hạn đến ngày 15/6/2026 để tham gia đóng góp ý kiến.

Thông tin chi tiết của dự thảo xem tại:

https://members.wto.org/crnattachments/2026/TBT/EEC/26_02112_00_e.pdf

https://members.wto.org/crnattachments/2026/TBT/EEC/26_02112_01_e.pdf

Mã thông báo: G/TBT/N/EU/1203.

Dự thảo sửa đổi tiêu chuẩn phân hạng nấm của Hoa Kỳ



Ngày 13/4/2026, Hoa Kỳ thông báo cho các nước Thành viên WTO về việc đề xuất sửa đổi tiêu chuẩn phân hạng đối với nấm.

Dự thảo do Cơ quan Dịch vụ Tiếp thị Nông nghiệp (AMS) thuộc Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA) xây dựng, nhằm cập nhật các tiêu chuẩn phân hạng nấm phù hợp với thực tiễn sản xuất và xử lý hiện đại. Các nội dung sửa đổi chính bao gồm: bổ sung hạng (grade) mới đối với nấm portabella; loại bỏ tiêu chí về kích thước khỏi các tiêu chí phân hạng và xây dựng một mục riêng về kích thước; đồng thời sửa đổi mức dung sai đối với các khuyết tật của sản phẩm.

Ngoài ra, dự thảo cũng cập nhật thuật ngữ, định nghĩa và hướng dẫn chấm điểm khuyết tật nhằm nâng cao tính rõ ràng và nhất quán trong quá trình đánh giá chất lượng sản phẩm.

Tài liệu này áp dụng đối với nấm và nấm cục (HS 07095), liên quan đến các yêu cầu về chất lượng, quản lý chất lượng và sản phẩm rau củ.

Mục tiêu của dự thảo là cung cấp thông tin cho người tiêu dùng và hoàn thiện các yêu cầu về chất lượng sản phẩm.

Thời gian dự kiến thông qua và có hiệu lực hiện chưa được xác định.

Các nước Thành viên WTO có thời hạn đến ngày 09/6/2026 để tham gia đóng góp ý kiến.

Thông tin chi tiết của dự thảo xem tại:

https://members.wto.org/crnattachments/2026/TBT/USA/26_02022_00_e.pdf

Mã thông báo: G/TBT/N/USA/2270.

Dự thảo quy định của Đài Loan về kiểm tra bắt buộc đối với dầm thép chữ H cán nóng



Ngày 16/4/2026, Đài Loan thông báo cho các nước Thành viên WTO về việc đưa ra đề xuất quy định kiểm tra bắt buộc đối với dầm thép chữ H cán nóng đã qua gia công thứ cấp đơn giản.

Theo dự thảo, để bảo đảm an toàn đối với các sản phẩm thép sử dụng trong xây dựng, cơ quan chức năng đề xuất đưa các sản phẩm dầm thép chữ H cán nóng (thuộc mã HS 730890) đã qua gia công thứ cấp đơn giản vào phạm vi quản lý kiểm tra bắt buộc. Các sản phẩm này sẽ phải thực hiện thủ tục đánh giá sự phù hợp theo hình thức đăng ký chứng nhận sản phẩm (Registration of Product Certification) trước khi được lưu thông trên thị trường.

Quy định này nhằm tăng cường kiểm soát chất lượng và an toàn của vật liệu xây dựng, đặc biệt đối với các sản phẩm có thể ảnh hưởng trực tiếp đến kết cấu công trình.

Mục tiêu của dự thảo là bảo vệ sức khỏe và sự an toàn của con người.

Thời gian dự kiến thông qua chưa được xác định. Dự kiến có hiệu lực từ ngày 01/7/2027.

Các nước Thành viên WTO có thời hạn đến ngày 15/6/2026 để tham gia đóng góp ý kiến.

Thông tin chi tiết của dự thảo xem tại:

https://members.wto.org/crnattachments/2026/TBT/TPKM/26_02106_00_e.pdf

https://members.wto.org/crnattachments/2026/TBT/TPKM/26_02106_00_x.pdf

Mã thông báo: G/TBT/N/TPKM/592.

DANH MỤC TIÊU CHUẨN, QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN TBT MỚI BAN HÀNH

STT	Loại văn bản/số hiệu	Trích yếu nội dung	Ngày ban hành	Nội dung chi tiết
1	Văn bản hợp nhất 27/VBHN-BCT	Văn bản hợp nhất 27/VBHN-BCT năm 2026 hợp nhất Nghị định quy định điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô do Bộ Công Thương ban hành	Cập nhật 10/04/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Van-ban-hop-nhat-27-VBHN-BCT-2026-Nghi-dinh-dieu-kien-san-xuat-lap-rap-nhap-khau-o-to-702126.aspx
2	Quyết định 1313/QĐ-UBND năm 2026	Quyết định 1313/QĐ-UBND năm 2026 công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Xuất nhập khẩu thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh Cà Mau	Cập nhật 13/04/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Xuat-nhap-khau/Quyết-dinh-1313-QĐ-UBND-2026-cong-bo-thu-tuc-hanh-chinh-Xuat-nhap-khau-So-Cong-Thuong-Ca-Mau-702395.aspx
3	Văn bản hợp nhất 29/VBHN-BCT	Văn bản hợp nhất 29/VBHN-BCT ngày 13/04/2026 hợp nhất Nghị định hướng dẫn Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng do Bộ Công Thương ban hành	Cập nhật 13/04/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Van-ban-hop-nhat-29-VBHN-BCT-2026-Nghi-dinh-huong-dan-Luat-Bao-ve-quyen-loi-nguoi-tieu-dung-703343.aspx
4	Thông tư 17/2026/TT-BKHCN	Thông tư 17/2026/TT-BKHCN về Điều lệ mẫu về tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Bộ, cơ quan ngang	Cập nhật 13/04/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Thong-tu-17-2026-TT-BKHCN-Dieu-le-mau-ve-to-chuc-Quy-phan-trien-

		Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành		khoa-hoc-cong-nghe-701561.aspx
5	Quyết định 906/QĐ-BCT năm 2026	Quyết định 906/QĐ-BCT năm 2026 tạm ngưng hiệu lực Thông tư 11/2026/TT-BCT quy định về truy xuất nguồn gốc thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương	Cập nhật 15/04/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Quyet-dinh-906-QD-BCT-2026-tam-ngung-hieu-luc-Thong-tu-11-2026-TT-BCT-703042.aspx
6	Quyết định 30/2026/QĐ-UBND	Quyết định 30/2026/QĐ-UBND phân cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa trong quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp tỉnh	Cập nhật 20/04/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Quyet-dinh-30-2026-QD-UBND-phan-cap-So-Khoa-hoc-quan-ly-nhiem-vu-khoa-hoc-cong-nghe-Thanh-Hoa-702866.aspx

ENQUIRY POINT

VIETNAM TBT



Quan ngại thương mại đối với việc chậm trễ cấp chứng nhận BIS đối với thép và sản phẩm thép của Ấn Độ

Tại Phiên họp chính thức của Ủy ban Hàng rào Kỹ thuật trong Thương mại (TBT) của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) vào tháng 6/2025 tại Geneva, Trung Quốc và Nhật Bản đã nêu Quan ngại thương mại cụ thể (Specific Trade Concern – STC) đối với tình trạng chậm trễ trong cấp chứng nhận của Cục Tiêu chuẩn Ấn Độ (Bureau of Indian Standards – BIS) đối với thép và sản phẩm thép, liên quan đến thông báo G/TBT/N/IND/327.

Biện pháp này nằm trong khuôn khổ Quy định kiểm soát chất lượng đối với thép và sản phẩm thép của Ấn Độ, theo đó mở rộng danh mục sản phẩm bắt buộc phải có chứng nhận BIS trước khi được lưu thông hoặc nhập khẩu vào thị trường này.

Nội dung chính của biện pháp

Theo thông tin được Trung Quốc nêu, ngày 29/8/2024, Ấn Độ đã ban hành Thông báo về kiểm soát chất lượng đối với thép và sản phẩm thép năm 2024, đưa 151 nhóm sản phẩm thép vào danh mục bắt buộc chứng nhận BIS. Các nhóm sản phẩm này bao gồm: Thép không gỉ; Thép carbon; Thép hợp kim; và nhiều loại sản phẩm thép công nghiệp khác.

Việc mở rộng phạm vi áp dụng quy định này nhằm mục tiêu nâng cao chất lượng sản phẩm và bảo đảm an toàn, tuy nhiên đồng thời làm gia tăng đáng kể yêu cầu tuân thủ đối với doanh nghiệp xuất khẩu.

Quan ngại của Trung Quốc

Trung Quốc bày tỏ quan ngại rằng tình trạng đình trệ trong quá trình phê duyệt chứng nhận BIS đã trở thành một rào cản lớn đối với xuất khẩu thép sang Ấn Độ.

Một số vấn đề chính được nêu gồm:

(1) Nguy cơ đối xử không công bằng

Trung Quốc cho rằng quy trình chứng nhận BIS có dấu hiệu không đồng đều giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp nước ngoài, khi các doanh nghiệp trong nước



được xử lý nhanh hơn, trong khi hồ sơ của doanh nghiệp nước ngoài, đặc biệt là Trung Quốc, bị tồn đọng kéo dài.

(2) Tồn đọng hồ sơ và chậm xử lý

Nhiều hồ sơ xin cấp chứng nhận của doanh nghiệp Trung Quốc bị tồn đọng trong thời gian dài, ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng tiếp cận thị trường.

(3) Thiếu minh bạch và dự đoán

Quy trình chứng nhận chưa có: Thời hạn xử lý rõ ràng cho từng bước; Cơ chế theo dõi tiến độ xử lý hồ sơ theo thời gian thực; Thông tin đầy đủ về thay đổi trong quy trình và thời gian xử lý.

Trên cơ sở các quy định của Hiệp định TBT, Trung Quốc đề xuất một số kiến nghị, bao gồm: Bảo đảm đối xử không phân biệt giữa doanh nghiệp trong nước và nước ngoài; Xử lý nhanh các hồ sơ tồn đọng; Công bố thời gian xử lý tiêu chuẩn, bảo đảm toàn bộ quy trình không vượt quá 6 tháng; Tăng cường minh bạch, bao gồm thông báo chính thức tới WTO và giải trình rõ đối với các hồ sơ bị trì hoãn hoặc từ chối.

Quan ngại của Nhật Bản

Nhật Bản chia sẻ quan ngại và nhấn mạnh thêm các vấn đề liên quan đến tính khả thi trong thực thi quy định.

Cụ thể, Nhật Bản cho biết một quy định yêu cầu tuân thủ tiêu chuẩn Ấn Độ đối với nguyên liệu đầu vào của sản phẩm thép nhập khẩu được ban hành ngày 13/6 và áp dụng gần như ngay lập tức đối với các lô hàng có vận đơn từ ngày 16/6. Điều này khiến doanh nghiệp không thể hoàn tất chứng nhận trong thời gian quá ngắn, về thực chất tương đương với việc hạn chế nhập khẩu.

Ngoài ra, Nhật Bản cũng nêu các vấn đề liên quan đến Hệ thống giám sát nhập khẩu thép (SIMS), bao gồm: Thay đổi trong hệ thống đăng ký sản phẩm khiến việc nhập khẩu trở nên khó khăn; Tình trạng khóa tài khoản kéo dài khiến doanh nghiệp không thể truy cập hệ thống; Quy trình nhập khẩu bị đình trệ.

Nhật Bản cho rằng các biện pháp này có thể hạn chế thương mại nhiều hơn mức cần thiết, và đề nghị Ấn Độ sớm điều chỉnh để phù hợp với Hiệp định TBT.

Phản hồi của Ấn Độ

Ấn Độ ghi nhận các quan ngại của Trung Quốc và Nhật Bản, đồng thời cho biết đây là quan ngại được nêu lần đầu tại phiên họp và các cơ quan có thẩm quyền sẽ xem xét các vấn đề được nêu.

Quan ngại này phản ánh một số vấn đề quan trọng trong thực thi các biện pháp TBT:

(1) Vai trò của hạ tầng đánh giá sự phù hợp

Việc mở rộng danh mục sản phẩm bắt buộc chứng nhận mà không đi kèm với năng lực xử lý hồ sơ tương ứng có thể dẫn đến tắc nghẽn hệ thống, gây ảnh hưởng đến thương mại.

(2) Tính minh bạch và dự đoán

Thiếu thông tin rõ ràng về quy trình, thời gian xử lý và thay đổi kỹ thuật làm gia tăng rủi ro cho doanh nghiệp, ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất và xuất khẩu.

(3) Nguy cơ rào cản thương mại không cần thiết

Các yêu cầu chứng nhận phức tạp, thời gian xử lý kéo dài hoặc áp dụng đột ngột có thể tạo ra rào cản thương mại trên thực tế, ngay cả khi mục tiêu chính sách là hợp lý.

(4) Yêu cầu tuân thủ Hiệp định TBT

Các quan ngại của Thành viên tập trung vào các nguyên tắc cốt lõi của TBT như:

Không phân biệt đối xử (Điều 2.1); Không tạo rào cản thương mại không cần thiết (Điều 2.2) và Minh bạch và thông báo (Điều 2.9–2.11).

Tác động đối với doanh nghiệp Việt Nam

Mặc dù quan ngại được nêu bởi Trung Quốc và Nhật Bản, biện pháp này cũng có ý nghĩa đáng lưu ý đối với các doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt trong lĩnh vực:

Xuất khẩu thép và sản phẩm thép sang Ấn Độ và cung ứng nguyên liệu cho chuỗi sản xuất liên quan đến thép.

Các tác động tiềm ẩn bao gồm:

(1) Rủi ro về thời gian và chi phí tuân thủ



Doanh nghiệp có thể phải đối mặt với: Thời gian chờ cấp chứng nhận kéo dài; Chi phí phát sinh trong quá trình thử nghiệm, chứng nhận và lưu kho hàng hóa.

(2) Nguy cơ gián đoạn xuất khẩu

Tình trạng tồn đọng hồ sơ hoặc hệ thống vận hành chưa ổn định có thể dẫn đến: Chậm thông quan; Trì hoãn giao hàng; Mất cơ hội kinh doanh.

(3) Phụ thuộc vào hệ thống quản lý của nước nhập khẩu

Việc chứng nhận phụ thuộc vào hệ thống BIS và SIMS làm giảm khả năng chủ động của doanh nghiệp trong việc kiểm soát tiến độ.

(4) Tác động lan tỏa trong chuỗi cung ứng

Nếu xu hướng siết chặt chứng nhận và kiểm soát chất lượng tiếp tục mở rộng, các doanh nghiệp Việt Nam có thể phải đối mặt với yêu cầu tương tự tại các thị trường khác.

- Đối với cơ quan quản lý:

Cần theo dõi sát các biện pháp liên quan đến chứng nhận bắt buộc và năng lực thực thi của cơ quan nước nhập khẩu; tăng cường tham gia cơ chế STC để phản ánh khó khăn của doanh nghiệp và đẩy mạnh hợp tác về công nhận lẫn nhau trong đánh giá sự phù hợp.

- Đối với doanh nghiệp:

Chủ động theo dõi quy định và chuẩn bị kế hoạch chứng nhận sớm, làm việc chặt chẽ với đối tác và cơ quan chứng nhận và đa dạng hóa thị trường và chuỗi cung ứng để giảm rủi ro.



Vụ kiện giữa Liên minh châu Âu và một số quốc gia thành viên — Một số biện pháp liên quan đến đầu cọ và nhiên liệu sinh học từ cây cọ đầu (Phần 2)

Kết luận chính của Ban hội thẩm đối với các biện pháp của EU

a) Các nội dung Malaysia không chứng minh được vi phạm:

Malaysia không chứng minh được EU vi phạm một số nghĩa vụ theo Hiệp định TBT, bao gồm các quy định liên quan đến việc sử dụng tiêu chuẩn quốc tế, mức độ hạn chế thương mại, nghĩa vụ giải trình và một số yêu cầu về thủ tục đánh giá sự phù hợp. Đồng thời, Malaysia cũng không chứng minh được vi phạm Điều XI:1 của GATT 1994.

b) Các nội dung EU bị kết luận vi phạm: Ban hội thẩm kết luận EU vi phạm một số nghĩa vụ, cụ thể:

Vi phạm Hiệp định TBT, bao gồm:

Nghĩa vụ không phân biệt đối xử (Điều 2.1); Nghĩa vụ minh bạch, bao gồm không thông báo và không tạo điều kiện góp ý đối với các biện pháp (Điều 2.9 và Điều 5.6); Thiết kế và thực thi thủ tục chứng nhận gây cản trở thương mại không cần thiết.

Vi phạm GATT 1994, bao gồm:

Điều I:1 (đối xử tối huệ quốc); Điều III:4 (đối xử quốc gia); Điều X:3(a) (quản lý, áp dụng pháp luật không hợp lý).

Một nội dung xuyên suốt trong kết luận là sự phân biệt giữa: Tính hợp pháp của mục tiêu và thiết kế chính sách và Tính phù hợp trong quá trình thực thi.

Cụ thể:



Các mục tiêu như bảo vệ môi trường, giảm phát thải khí nhà kính và bảo vệ sức khỏe được ghi nhận là phù hợp với các ngoại lệ của GATT 1994 (Điều XX(b), XX(g)); Tuy nhiên, các vi phạm chủ yếu phát sinh từ: Việc không cập nhật kịp thời dữ liệu làm cơ sở phân loại; Thiếu cơ chế vận hành đầy đủ để chứng nhận ILUC thấp; Thiếu minh bạch trong quy trình xây dựng và áp dụng biện pháp.

Kết luận thể hiện sự liên kết chặt chẽ giữa các nghĩa vụ:

- Nghĩa vụ không phân biệt đối xử trong TBT (Điều 2.1) được phản ánh tương ứng trong: Điều I:1 (tối huệ quốc); Điều III:4 (đối xử quốc gia) của GATT 1994.
- Nghĩa vụ về quản lý hợp lý (GATT Điều X:3(a)) được sử dụng để đánh giá:
- Tính nhất quán, minh bạch và khả năng dự đoán của việc thực thi biện pháp.
- Nghĩa vụ về minh bạch và tham vấn trong TBT (Điều 2.9, 5.6) được xem là yếu tố thủ tục quan trọng, có tác động trực tiếp đến tính hợp pháp của biện pháp.

Qua đó, kết luận cho thấy các vi phạm không tồn tại độc lập mà có sự giao thoa giữa các hiệp định.

Sự khác biệt trong kết luận đối với EU, Pháp và Litva

- EU: Bị xác định vi phạm trên nhiều phương diện, bao gồm cả nghĩa vụ nội dung và thủ tục.
- Pháp: Vi phạm chủ yếu liên quan đến chính sách thuế nội địa và đối xử với hàng nhập khẩu.
- Litva: Không đủ cơ sở để xác lập vi phạm.

Sự khác biệt này phản ánh phạm vi và mức độ chứng minh của các yêu cầu khiếu kiện.

Thực thi phán quyết

Ngày 24/05/2024, EU thông báo sẽ thực hiện các khuyến nghị và phán quyết của DSB phù hợp với nghĩa vụ WTO. Ngày 21/01/2025, EU và Malaysia thống nhất thời hạn hợp lý để thực thi là 20 tháng 6 ngày, kết thúc vào ngày 01/01/2026. Thời hạn thực thi này được xác



định nhằm đảm bảo: Có đủ thời gian điều chỉnh chính sách và Phù hợp với nghĩa vụ của thành viên WTO.

Tổng kết ngắn gọn

Tranh chấp tập trung vào ba nhóm vấn đề pháp lý chính:

(i) Ranh giới giữa quyền điều tiết vì mục tiêu môi trường và nghĩa vụ thương mại quốc tế;

(ii) Nghĩa vụ không phân biệt đối xử trong thiết kế và thực thi chính sách;

(iii) Nghĩa vụ minh bạch và tham vấn trong xây dựng biện pháp kỹ thuật.

Ban hội thẩm đồng thời làm rõ mối quan hệ giữa:

- Các nghĩa vụ nội dung (non-discrimination, necessity);
- Và các nghĩa vụ thủ tục (transparency, due process) trong khuôn khổ WTO.

Khái quát nội dung pháp lý cốt lõi của vụ việc: Tranh chấp tập trung vào ba nhóm vấn đề pháp lý chính:

(i) Ranh giới giữa quyền điều tiết vì mục tiêu môi trường và nghĩa vụ thương mại quốc tế;

(ii) Nghĩa vụ không phân biệt đối xử trong thiết kế và thực thi chính sách;

(iii) Nghĩa vụ minh bạch và tham vấn trong xây dựng biện pháp kỹ thuật.

Ban hội thẩm đồng thời làm rõ mối quan hệ giữa:

Các nghĩa vụ nội dung (non-discrimination, necessity) và các nghĩa vụ thủ tục (transparency, due process) trong khuôn khổ WTO.

Các đặc điểm chính được thể hiện tại Phần kết luận của Ban hội thẩm:

- Công nhận tính hợp pháp của mục tiêu chính sách môi trường và sức khỏe;
- Xác định vi phạm chủ yếu phát sinh từ cách thiết kế chi tiết và thực thi biện pháp;



- Nhấn mạnh vai trò của nghĩa vụ minh bạch và không phân biệt đối xử;
- Khẳng định yêu cầu tuân thủ đồng thời cả nghĩa vụ nội dung và thủ tục trong khuôn khổ WTO.

